

Đôla hóa (dollarization) là việc sử dụng một ngoại tệ để thực hiện một số hay tất cả các chức năng của tiền tệ. Nói cách khác, đôla hóa xảy ra khi dân chúng trong một nước sử dụng rộng rãi ngoại tệ, song song hoặc thay thế cho đồng tiền nội tệ của mình. Thuật ngữ "đôla hoá" được dùng theo nghĩa chung ám chỉ bất kỳ ngoại tệ nào chứ không chỉ đồng đôla Mỹ khi thay thế đồng tiền trong nước đầu tiên ở hầu hết các nước có sử dụng ngoại tệ rộng rãi thì ngoại tệ phổ biến nhất vẫn là đôla Mỹ.

khoản bằng ngoại tệ ở nước ngoài. Thuật ngữ đôla hoá không chính thức được dùng bao gồm cho cả hai trường hợp, hợp pháp lẫn bất hợp pháp.

Hình thức đơn giản nhất của đôla hoá không chính thức là việc dân chúng có thể gửi tiền ở ngân hàng bằng ngoại tệ hoặc cất trữ đôla tiền mặt nhưng vẫn tiếp tục dùng đồng tiền nội tệ trong hoạt động mua bán hàng ngày. Giai đoạn này thường được gọi là "thay thế tài sản" bởi vì hành động này của dân chúng là nhắm đến việc bảo đảm an toàn tài sản của mình khi có lạm phát

Việc đo lường mức độ đôla hoá không chính thức rất khó khăn vì người ta không thể thống kê chính xác được lượng đôla mặt mà dân chúng nắm giữ, số dư tiền gửi bằng ngoại tệ ở trong nước và nước ngoài, giá trị của các tài sản nước ngoài do dân chúng nắm giữ do đó người ta chỉ có thể ước đoán mức độ lưu hành của đồng đôla Mỹ và một số tiền tệ khác để đưa ra hình ảnh sơ bộ về sự phổ biến của việc đôla hoá không chính thức. Theo tính toán của Cục dự trữ liên bang Mỹ thì người nước ngoài hiện đang nắm giữ khoảng 300 tỉ đôla mặt tức là chiếm khoảng 55%-70% trong tổng số hơn 480 tỉ đôla giấy đang được lưu hành.

Hầu hết các nghiên cứu về đôla hoá được tập trung vào đôla hoá không chính thức bởi vì lợi ích và thiệt hại từ việc đôla hoá không chính thức là không rõ ràng, rất khó tính toán và rất khác nhau tùy thuộc vào đặc thù của từng nước.

Về ưu điểm, đôla hoá không chính thức sẽ giúp chống được hiện tượng lạm phát đối với đồng nội tệ đồng thời góp phần làm cho hệ thống ngân hàng hoạt động bền vững hơn. Khi chính phủ cho phép ngân hàng trong nước nhận tiền gửi bằng ngoại tệ sẽ góp phần hạn chế được hiện tượng dân chúng đem tiền gửi ở nước ngoài và do vậy sẽ ít có nguy cơ dân chúng đổ xô đến ngân hàng rút tiền khi đồng nội tệ mất giá. Tuy nhiên, điều này sẽ dẫn đến bất lợi là rất dễ tạo nên tình trạng đồng nội tệ mất giá đột ngột khi dân chúng đồng loạt quay sang dùng ngoại tệ và điều này cũng sẽ gây khó khăn cho ngân hàng trung ương trong việc điều hành chính sách tiền tệ của mình.

2. Đôla hoá bán chính thức

Đôla hoá bán chính thức xảy ra khi một nước sử dụng đồng ngoại tệ như là đồng tiền pháp định nhưng đóng vai trò thứ hai sau đồng nội tệ trong việc chi trả tiền lương, thuế và các chi tiêu hàng ngày như tiền đi chợ, tiền điện, nước, v.v.v. Không giống như các nước thực hiện đôla hoá chính thức, những nước có đôla hoá bán chính thức vẫn giữ một ngân hàng trung ương trong nước hoặc một hệ thống tiền tệ khác và có một khu vực riêng để thực hiện chính sách tiền tệ của mình. Những nước có đôla hoá bán

Đôla hoá và một số vấn đề liên quan

Thạc sĩ HOÀNG CÔNG GIA KHÁNH

Ngày nay, đôla hóa là hiện tượng khá phổ biến, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Theo số liệu khảo sát của IMF, có ít nhất 120 nước đã từng sử dụng tiền tệ của một nước khác trong một giai đoạn nào đó. Tính đến đầu năm 2000 đã có trên 60 nước thực hiện đôla hóa (chính thức hoặc không chính thức) dù mức độ của mỗi nước là có khác nhau. Thông thường, căn cứ vào hình thức và mức độ đôla hóa, người ta chia ra làm ba loại: không chính thức, bán chính thức và chính thức.

1. Đôla hoá không chính thức

Đôla hoá không chính thức xảy ra khi người dân trong một nước cất trữ phần lớn tài sản của mình bằng ngoại tệ ngay cả khi ngoại tệ đó không phải là đồng tiền pháp định của nước mình. Trên thực tế, ở rất nhiều nước, đôla hoá không chính thức mặc nhiên tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau bất chấp các quy định của luật pháp. Ở một số nước thì việc cất trữ tài sản nước ngoài là hợp pháp nhưng một số nước khác thì không cho phép dân chúng nắm giữ các tài sản nước ngoài, chẳng hạn cấm mở tài

xây ra với đồng tiền trong nước. Ở giai đoạn cao hơn, thường được gọi là "thay thế tiền tệ" đó là lúc người ta dùng đôla trong các giao dịch có giá trị lớn như mua xe, mua nhà và sử dụng đôla mặt như một phương tiện thanh toán và phương tiện cất trữ. Chỉ những giao dịch thông dụng, có giá trị nhỏ như tiền điện, nước, mua sắm các vật dụng hàng ngày hoặc những giao dịch mà chính phủ bắt buộc như nộp thuế, chi trả tiền lương mới sử dụng bằng nội tệ. Giai đoạn cuối của tiến trình đôla hoá không chính thức là lúc dân chúng thường suy nghĩ và tính toán theo đôla, giá của đồng tiền trong nước luôn được quy ra theo đôla.

Như vậy, nhìn chung đôla hoá không chính thức là việc dân chúng cất giữ các tài sản dưới những hình thức sau:

- Chứng khoán nước ngoài hoặc bất kỳ tài sản nào khác (không phải là tiền tệ) của nước ngoài;
- Tiền gửi bằng ngoại tệ ở nước ngoài;
- Tiền gửi bằng ngoại tệ ở ngân hàng trong nước;
- Ngoại tệ mặt.

chính thức tiêu biểu như: Brunei, Tajikistan, Liberia, Lào, Campuchia, .v.v.

3. Đôla hoá chính thức

Đôla hoá chính thức xảy ra khi một nước không phát hành nội tệ mà thay vào đó sử dụng đôla Mỹ hoặc một ngoại tệ khác như một tiền tệ chính thức (một số ít các nước đôla hoá chính thức có phát hành tiền xu nhưng vì tiền xu có mệnh giá thấp và thường là một phần phụ trong cung tiền tệ nên có không ảnh hưởng đến đôla hoá). Như vậy, ở những nước này, ngoại tệ không chỉ sử dụng trong trao đổi mua bán giữa các cá nhân mà còn là phương tiện thanh toán của chính phủ.

Khi một nước thực hiện đôla hoá chính thức thì mặc nhiên nó sẽ trở thành một bộ phận trong khu vực tiền tệ thống nhất cùng với nước có đồng tiền mà nó đang sử dụng. Và như vậy, nước đôla hoá chính thức sẽ từ bỏ chính sách tiền tệ độc lập của mình và áp dụng những chính sách tiền tệ của nước mà nó đang sử dụng đồng tiền. Vì vậy, nước thực hiện đôla hoá chính thức sẽ không thể phản ứng lại những cú sốc kinh tế bằng cách thay đổi chính sách tỉ giá hối đoái của nước mình. Tuy nhiên, nước này vẫn có thể sử dụng những phương cách khác như điều chỉnh dòng vốn vào/ra, thay đổi chính sách giá, chính sách kinh tế, .v.v.

Nhìn chung, ngày nay việc sử dụng chính thức đồng đôla Mỹ hay một ngoại tệ khác là rất hiếm ngoại trừ một số ít các nước có nền kinh tế nhỏ vì hầu hết các nước đều muốn có một chính sách tiền tệ độc lập. Mặt khác, xét về khía cạnh chính trị, nhiều chính phủ xem đồng nội tệ là biểu tượng quốc gia và niềm tự hào chính trị ngay cả khi dân chúng muốn sử dụng rộng rãi đồng đôla Mỹ.

4. Chi phí và lợi ích của đôla hoá

Nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng đôla hoá là do ngân hàng trung ương đã không hoạt động có hiệu quả, do đó đôla hoá dường như là phương cách hiệu quả để giữ cho tiền tệ ổn định. Thực tế cho thấy, ở những nước có đôla hoá hoặc đôla hoá ở mức độ cao thì nhìn chung là ngân hàng trung ương hoạt động kém hiệu quả hơn so với ngân

hàng trung ương ở những nước không có đôla hoá hoặc đôla hoá mức thấp: lạm phát cao hơn, quản lý ngoại hối chặt chẽ hơn, hay phá giá đồng tiền hơn, quốc hữu hoá tài sản của dân chúng nhiều hơn, .v.v.. Có thể nói rằng, bất kỳ một nước nào có đồng tiền ít nhất là không hoạt động mạnh bằng đôla Mỹ thì có khả năng xảy ra đôla hoá và đô la hoá càng dễ dàng xuất hiện ở một nước khi lạm phát ở nước đó cao liên tục trong nhiều năm hoặc thực hiện chính sách quản lý ngoại hối gắt gao.

Một cách tổng quát nhất, khi thực hiện đôla hoá có thể đem lại các tác động sau:

- Đôla hoá làm cho người ta có thể dự đoán tỉ giá hối đoái dễ dàng hơn. Do bởi đôla Mỹ là đồng tiền được thả nổi cho nên nước thực hiện đôla hoá vẫn sẽ đối mặt với việc biến động tỉ giá hối đoái với những nước không phụ thuộc vào khu vực sử dụng đồng đôla Mỹ. Tuy nhiên, so với đồng nội tệ với tỉ giá hối đoái thả nổi thì khi thuộc khu vực sử dụng đồng đôla sẽ giúp họ giảm được những bất ổn trong mua bán và đầu tư quốc tế nảy sinh do biến động tỉ giá hối đoái với những đồng tiền ngoài khu vực.

- Nhìn chung, đôla hoá sẽ giúp cho một nước có lạm phát thấp và ít biến động và từ đó sẽ giúp giảm được lãi suất thực do vậy sẽ góp phần thúc đẩy phát triển tín dụng trung và dài hạn.

- Đôla hoá sẽ có thể giúp tạo ra đồng tiền có thể chuyển đổi hoàn toàn ở những nước mà tiền tệ chưa có khả năng chuyển đổi. Theo nghiên cứu của Moreno-Villalaz ở Panama vào năm 1998 thì khi đô la hoá kết hợp với một hệ thống ngân hàng quốc tế hoá tức là hoà nhập vào thị trường tài chính thế giới thì đôla hoá sẽ giúp các nước chỉ cần dự trữ ngoại tệ thấp hơn các hệ thống tiền tệ khác. Theo đó, vì không có rủi ro ngoại hối nên các ngân hàng có thể góp dự trữ trên khắp thế giới với các chi nhánh đặt tại Mỹ và nơi khác. Không có rủi ro ngoại hối cũng sẽ giúp cho các ngân hàng hiện đang thiếu dự trữ có thể vay quỹ của thế giới với cùng một mức phí hoặc thấp hơn.

- Khi thực hiện đô la hoá thì phá giá tiền tệ không đem lại lợi ích gì cho ngân hàng trung ương. Khi đôla hoá ở mức độ cao thì chính đôla hoá sẽ tư hữu hoá tiền tệ và bảo vệ quyền cất giữ tài

sản cá nhân khi có lạm phát và khi đồng tiền mất giá. Trong trường hợp này, tiền tệ là tài sản của cá nhân chứ không phải là tài sản của chính phủ.

- Mặc dù vậy, đôla hoá cũng sẽ gây ra hàng loạt các bất lợi và những hệ lụy phức tạp mà các nước có đôla hoá sẽ phải đối mặt. Điều không thể phủ nhận được là đôla hoá dù là không chính thức sẽ làm suy giảm nghiêm trọng chủ quyền quốc gia về tiền tệ, gây khó khăn cho ngân hàng trung ương trong việc điều hành và thực thi chính sách tiền tệ của mình thông qua việc hạn chế và có thể "vô hiệu hoá" vai trò của lãi suất đồng nội tệ, tỉ giá hối đoái, đặc quyền phát hành tiền của ngân hàng trung ương đồng thời cũng sẽ khiến cho ngân hàng trung ương "đánh mất" vai trò là người cho vay sau cùng.

- Bên cạnh đó, xét về khía cạnh chi phí thì khi xảy ra đôla hoá, chính phủ sẽ mất đi chênh lệch giá phí (seigniorage) tức là khoản chênh lệch giữa chi phí khi đưa đồng tiền vào lưu thông và giá trị hàng hoá mà đồng tiền đó mua được (ở đây, khái niệm chênh lệch giá phí áp dụng cho toàn bộ cơ sở tiền đang lưu hành cộng với dự trữ ngân hàng). Nghiên cứu của Stanley Fischer, Phó giám đốc điều hành của IMF vào năm 1982 đã chia chênh lệch giá phí từ đôla hoá ra làm hai phần là "stock cost" và "flow cost". Theo Fischer, "stock cost" là chi phí một lần ban đầu khi đưa một lượng tiền giấy, tiền xu đôla cần thiết để thay cho đồng nội tệ đang lưu hành và Fischer ước tính chi phí này chiếm khoảng 8% GNP với nhận định rằng càng nhiều người thích sử dụng tiền giấy và tiền xu nhiều hơn séc và thẻ tín dụng thì "stock cost" càng cao. Còn "flow cost" là chi phí liên tục mất đi do tiền giấy và tiền xu không sinh lãi và tỉ lệ lạm phát càng cao thì "flow cost" càng cao với ước tính khoảng 0,75% đến 1% GNP mỗi năm. Bên cạnh đó, nước thực hiện đôla hoá còn phải chịu các chi phí khác như chi phí cho một lần chuyển đổi giá cả, thay đổi chương trình máy tính, thay thế hệ thống máy bán hàng tự động, máy rút tiền và cả những chi phí do đánh mất sự độc lập và linh động trong chính sách tiền tệ khi phải bó buộc với chính sách tiền tệ của nước có đồng tiền sử dụng trong thời kỳ giá cả tăng vọt ■